

Bản án số: 69/2024/ST – HNGĐ
Ngày 30 tháng 5 năm 2024
“V/v: Ly hôn và tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Thành và ông Võ Trọng Anh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nguyễn Linh Chi – Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST – HNGĐ ngày 09/4/2024 về việc: “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 17/5/2024 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* **Chị Vang Thị N** – Sinh năm: 1996 - Nơi đăng ký HKTT: Bản V 3, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An; Hiện nay trú tại: Bản Mác, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

* *Bị đơn:* **Anh Lương Văn L** – Sinh năm: 1989 - Trú tại: Bản V 3, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An; Hiện đang chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện P – Xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn xét xử vắng mặt)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* **Ông Lương Văn N** - Sinh năm: 1968 và **bà Nguyễn Thị T** – Sinh năm: 1968 - Điều trú tại: Bản V 3, xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An – Vắng mặt (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vang Thị N vắng mặt, nhưng trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Vang Thị N trình bày:*

Chị Vang Thị N và anh Lương Văn L kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc

sống, tính cách không hợp nhau. Bên cạnh đó, anh L không chịu khó làm ăn, không chăm lo cuộc sống gia đình, mà còn lâm vào tệ nạn ma túy. Mặc dù chị N có khuyên bảo, động viên để anh L sửa chữa nhưng anh L không những không sửa chữa mà còn tiếp tục sử dụng ma túy dẫn đến việc phải đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy P. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị N và anh L không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh L.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Lương Văn K – Sinh ngày 21/10/2013 và Lương Quế A – Sinh ngày 13/5/2015. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị N nuôi con Lương Quế A, còn anh L nuôi con Lương Văn K. Đến năm 2023, anh L bị đi cai nghiện ma túy bắt buộc thì anh L gửi con cho cha mẹ để anh L là ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn chị N có nguyện vọng tiếp tục nuôi con Lương Quế A, còn anh L nuôi con Lương Văn K và đồng ý để ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi con Lương Văn K cho anh L. Chị N không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Chị Vang Thị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa bị đơn anh Lương Văn L vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh Lương Văn L trình bày:*

Anh Lương Văn L và chị Vang Thị N kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hợp nhau. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn thì anh L đồng ý và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lương Văn K – Sinh ngày 21/10/2013 và Lương Quế A – Sinh ngày 13/5/2015. Nay ly hôn anh L thống nhất anh L nuôi con Lương Văn K, còn chị N nuôi con Lương Quế A. Anh L không yêu cầu chị Như cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh Lương Văn L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Lương Văn K trình bày:* Bố cháu là Lương Văn L, mẹ cháu là Vang Thị N. Nay bố, mẹ cháu ly hôn thì cháu muốn được ở với bố Lương Văn L và ông bà nội.

- *Trong quá trình giải quyết vụ án cháu Lương Quế A trình bày:* Bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Vang Thị N.

- *Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị T vắng mặt, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án ông Nam và bà T trình bày:*

Anh Lương Văn L là con trai, chị Như là con dâu của ông Nam và bà T. Chị Như và anh L có 2 người con chung là Lương Văn K – Sinh ngày 21/10/2013 và Lương Quế A – Sinh ngày 13/5/2015. Từ khi chị Như và anh L ly thân và đến năm 2023 anh L đi cai nghiện ma túy bắt buộc đến nay, anh L gửi cháu Lương Văn K cho ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay vợ chồng chị N và anh L ly hôn và thống nhất chị N nuôi con Lương Quế A và anh L nuôi con Lương Văn K thì ông Nam và bà T đồng ý tiếp tục nuôi cháu Lương Văn K cho anh Lương Văn L.

- *Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến về vụ án và về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử. Các đương sự đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự là có căn cứ. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử: Cho chị Vang Thị N được ly hôn với anh Lương Văn L; Về nuôi con chung: Giao con chung Lương Quế A – Sinh ngày 13/5/2015 cho chị Vang Thị N tiếp nuôi dưỡng; Giao con chung Lương Văn K – Sinh ngày 21/10/2013 cho anh Lương Văn L trực tiếp nuôi dưỡng; Anh Lương Văn L và chị Vang Thị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về án phí: Chị Vang Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, bị đơn cư trú tại xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An nhưng hiện tại đang chấp hành thời gian cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện P tại xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Nên Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An thụ lý và giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Vang Thị N và anh Lương Văn L kết hôn với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện A, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con, đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do nguyên nhân dẫn tới mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính cách không hợp nhau. Bên cạnh đó, anh L còn lâm vào tệ nạn ma túy, mặc dù chị Như có khuyên bảo, động viên để anh L sửa chữa. Tuy nhiên, anh L không những không sửa chữa mà còn tiếp tục sử dụng ma túy dẫn đến việc phải đi cai nghiện ma túy bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy P. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân giữa chị N và anh L không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N đề nghị Tòa án giải quyết xin được ly hôn anh L. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Lương Văn L cũng đồng ý ly hôn với chị Vang Thị N.

Xét thấy mục đích của hôn nhân vợ chồng là cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau chăm lo cuộc sống. Nhưng anh L không có ý thức xây dựng gia đình, mặc dù chị N đã khuyên bảo nhưng anh L vẫn không sửa chữa và tiếp tục sử dụng ma túy nên đã bị Tòa án áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc vào ngày 27/9/2023 theo Quyết định số 42/QĐ-TA ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An với thời gian là 20 tháng. Nay vợ chồng đã bỏ mặc nhau, không yêu thương, quý trọng, chăm sóc và giúp đỡ nhau, tình nghĩa vợ chồng không còn. Do đó hôn nhân giữa chị N và anh L lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không thể đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình cũng như phù hợp với ý kiến của anh L cũng đồng ý ly hôn với chị N.

[2.2]. *Về nuôi con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con:* Chị Vang Thị N và anh Lương Văn L có 02 con chung là Lương Văn K – Sinh ngày 21/10/2013 và Lương Quế A – Sinh ngày 13/5/2015. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, chị N nuôi con Lương Quế A, còn anh L nuôi con Lương Văn K. Tháng 9/2023 anh L phải đi chấp hành cai nghiện ma túy bắt buộc nên anh L gửi con cho cha mẹ đẻ anh L là ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Nay ly hôn, các đương sự thống nhất chị N nuôi con Lương Quế A, còn anh L nuôi con Lương Văn K và đồng ý để ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Lương Văn K cho anh L. Nên cần chấp nhận ý kiến của các đương sự, giao cháu Lương Quế A cho chị Vang Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Giao cháu Lương Văn K cho anh Lương Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trong thời gian anh Lương Văn L đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc nên tạm giao cháu Lương Văn K cho ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Vang Thị N và anh Lương Văn L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3]. Về tài sản chung và nợ: Chị Vang Thị N và anh Lương Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[2.4]. Về án phí: Chị Vang Thị N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm b khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 238; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Vang Thị N được ly hôn với anh Lương Văn L.

2.2. Về nuôi con chung:

+ Giao con chung Lương Quế A – Sinh ngày 13/5/2015 cho chị Vang Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành.

+ Giao con chung Lương Văn K – Sinh ngày 21/10/2013 cho anh Lương Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành. (Tạm giao cháu Lương Văn K cho ông Lương Văn N và bà Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong thời gian anh Lương Văn L đang chấp hành biện pháp cai nghiện bắt buộc).

2.3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Vang Thị N và anh Lương Văn L không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có lý do chính đáng hoặc có căn cứ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của một hoặc các bên thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung và nợ: Chị Vang Thị N và anh Lương Văn L không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Vang Thị N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn (Đã nộp 300.000 đồng theo biên lai ngày 09/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Nghệ An).

3/ Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã P, huyện A,
tỉnh Nghệ An (Nơi đăng ký kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Lệ Hằng

